

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2022

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hán Hường

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trọng Hùng

2. Ông Vũ Mạnh Cường

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 180/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị Thanh T, sinh năm 2000 (Có mặt).

Địa chỉ: xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Quý H, sinh năm 1995 (*vắng mặt lần thứ hai không có lý do*).

Địa chỉ: xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 10 năm 2021; tại bản tự khai; quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đặng Thị Thanh T có quan điểm trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh Bùi Quý H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 11/6/2019, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống cùng bố mẹ đẻ của anh H. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng chỉ hạnh phúc được thời gian ngắn sau đó đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến tháng 4/2020 do vợ chồng mâu thuẫn nên đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H

không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh H để ổn định cuộc sống.

- *Về con chung, về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức:* Chị T trình bày vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện C đã báo anh H hợp lệ nhưng anh H không đến giải quyết việc chị T xin ly hôn nhưng anh H cố tình vắng mặt nên Tòa án đã tiến hành giao văn bản tố tụng hợp lệ cho bố đẻ của anh H là ông Bùi Văn H ở cùng địa chỉ của anh H sau đó mới đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh H là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là chị H kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và quy định của Pháp luật. Bị đơn là anh H cố tình vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56; khoản 4 Điều 147 ; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Đặng Thị Thanh T được ly hôn anh Bùi Quý H.

Về con chung; Về tài sản chung, Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị T không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo anh H đến để giải quyết việc chị T xin ly hôn nhưng anh H vẫn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã giao đầy đủ văn bản tố tụng cho ông Bùi Văn H là bố đẻ của anh H và ở cùng địa chỉ với anh H sau đó đưa vụ án ra xét xử là thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. *Về nội dung vụ án.*

2.1. *Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thanh T xin được ly hôn anh Bùi Quý H thấy rằng:* Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 11 tháng 6 năm 2019 là

hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã báo anh H nhiều lần đến Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Phú Thọ để giải quyết việc chị T xin ly hôn; đã giao giấy báo và văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh H không đến để vợ chồng H giải mâu thuẫn để vợ chồng về đoàn tụ. Kết quả xác minh tại địa phương xã T thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, chính quyền địa phương đã tổ chức H giải nhưng không thành. Tại phiên tòa hôm nay, chị T quyền quyết định xin ly hôn anh H. Như vậy, có căn cứ cho rằng tình cảm vợ chồng chị T, anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống.

2.2. Về con chung; Tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị T trình bày không có, không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đặng Thị Thanh T được ly hôn anh Bùi Quý H.

2. Về án phí: Chị Đặng Thị Thanh T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007683, ngày 24/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị T có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã T;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hán Hưởng

